

Số: 1573/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác khoáng sản mỏ cát lòng sông Hồng - Minh Nông 4 thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” của Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Kim Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khai thác khoáng sản mỏ cát lòng sông Hồng - Minh Nông 4 thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” của Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Kim Thành tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 11/6/2025;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khai thác khoáng sản mỏ cát lòng sông Hồng - Minh Nông 4 thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 41/CV-KT ngày 19/6/2025 của Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Kim Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-SNNMT ngày 24/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khai thác khoáng sản mỏ cát lòng sông Hồng - Minh Nông 4 thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Kim Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Minh

Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, UBND thành phố Việt Trì; Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Kim Thành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “Khai thác khoáng sản mỏ cát lòng sông Hồng -
Minh Nông 4, thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh
Phú Thọ” CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP KIM THÀNH**
(Kèm theo Quyết định số: 1573/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản mỏ cát lòng sông Hồng - Minh Nông 4 thuộc phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Địa điểm thực hiện: phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Tên chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư tổng hợp Kim Thành.
- Địa chỉ: khu 9, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện: ông Vũ Việt Anh. Chức vụ: Giám đốc.
- Dự án được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 23/6/2020; công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 07/6/2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2122163175 do Sở Tài chính cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22/01/2024, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 13/5/2025.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: diện tích khu vực khai thác 9ha; khu vực bãi tập kết vật liệu diện tích 0,2ha (thuê lại một phần bến, bãi bốc xếp và kho hàng hóa Lâu Thượng thuộc phường Dữu Lâu và xã Trung Vương, thành phố Việt Trì của Công ty cổ phần tập đoàn Cát Vàng).
- + Biên giới trên mặt được xác định trên diện tích khoanh nổi xác định các khối trữ lượng đã được phê duyệt tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ.
- + Biên giới dưới sâu: mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng +2m.
- Trữ lượng mỏ:
 - + Trữ lượng huy động vào khai thác: 580.786m³, trong đó: cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây, trát) là 532.599m³; cát làm vật liệu san lấp là 48.187m³.
 - + Trữ lượng khai thác: 521.272m³, trong đó: cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây, trát) là 473.518m³; cát làm vật liệu san lấp là 47.754m³.
- Công suất khai thác: 56.500 m³/năm. Trong đó: cát xây, trát là 51.500 m³/năm; cát san lấp là 5.000 m³/năm.
- Tuổi thọ mỏ: 9,7 năm.
- Loại hình dự án: đầu tư mới.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt không bao gồm hoạt động tại khu vực bãi tập kết vật liệu.

1.3. Công nghệ khai thác và chế biến:

a) Quy trình công nghệ khai thác:

- Cát → tàu hút hoặc tàu cuốc hoặc cầu gầu dây găng trên phao nổi → sà lan → vận chuyển về bãi tập kết.

b) Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Sử dụng tàu hút hoặc tàu cuốc hoặc cầu gầu dây găng trên phao nổi để chất tải sà lan vận chuyển về bãi tập kết (tùy điều kiện mực nước, dòng chảy chủ đầu tư chỉ lựa chọn sử dụng 1 loại thiết bị để khai thác).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

a) Các hạng mục công trình:

- Tại khu vực khai thác của dự án không bố trí các công trình xây dựng. Công ty chỉ đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ khai thác, vận chuyển gồm: tàu hút 730 m³/h (2 tàu sử dụng khai thác và 1 tàu hút dự phòng) hoặc tàu cuốc 120 m³/h (3 tàu sử dụng khai thác, 2 tàu dự phòng) hoặc cầu gầu dây găng trên phao nổi, thể tích gầu 0,6 m³/gầu (5 cầu sử dụng khai thác); sà lan tự hành 150 - 300 tấn (2 chiếc vận chuyển, 2 chiếc dự phòng); bộ đồ sửa cơ khí gồm 2 bộ. Các thiết bị dự phòng chỉ sử dụng khi thiết bị chính bị hỏng không hoạt động, thiết bị dự phòng phải có thông số kỹ thuật không được vượt quá thông số kỹ thuật của thiết bị khai thác chính và vận hành không được vượt quá sản lượng hút của thiết bị đã đăng ký.

b) Các hoạt động của dự án:

- Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, cát làm vật liệu san lấp (sử dụng tàu hút hoặc tàu cuốc hoặc cầu gầu dây găng trên phao nổi).

- Vận chuyển cát bằng sà lan đến bãi tập kết vật liệu.

- Cải tạo, phục hồi môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Dự án không có hạng mục xây dựng cơ bản mở (chỉ tập kết thiết bị đến khu vực khai thác), thu hồi khoáng sản ngay khi mở vỉa.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Các hoạt động của dự án:

+ Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây, trát), cát làm vật liệu san lấp.

+ Vận chuyển cát bằng sà lan về bãi tập kết.

- + Cải tạo, phục hồi môi trường.
- Các tác động môi trường:
- + Khí thải phát sinh từ các phương tiện khai thác, vận chuyển, tập kết cát.
- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh trên các phương tiện khai thác và sà lan vận chuyển.
- + Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tại các phương tiện khai thác và sà lan vận chuyển.
- + Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa các phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển gồm ắc quy thải, dầu, mỡ thải, giẻ lau dính dầu, mỡ có chứa thành phần nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, bụi, khí thải:

a) Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt trên các phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển phát sinh khoảng 0,81 m³/ngày với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, coliform.

b) Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh chủ yếu từ quá trình vận chuyển sản phẩm; khí thải phát sinh từ phương tiện khai thác, vận chuyển với thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO₂, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển với khối lượng khoảng 14,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, túi nilon, vỏ đồ hộp...

b) Chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, làm mát động cơ các phương tiện khai thác, vận chuyển bao gồm: ắc quy thải (11,67 kg/tháng); dầu, mỡ thải (9,3 lít/tháng); giẻ lau dính dầu, mỡ (7,5 - 12,5 kg/tháng)...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển.

- Các quy chuẩn áp dụng:

- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Tác động đến lòng bờ, bãi sông:

- Dự án khai thác cát trong phạm vi 9ha với công suất khai thác 56.500 m³/năm

làm tăng độ đục của môi trường nước; ảnh hưởng đến thủy lực dòng chảy, làm thay đổi địa hình đáy sông; tác động đến chế độ thủy văn của dòng chảy có nguy cơ làm gia tăng quá trình xói lở, bồi lắng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên mỗi phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển được thu gom bằng 1 thùng chứa có dung tích 1m³, định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Sử dụng các thiết bị khai thác đảm bảo công suất như hồ sơ thiết kế đã được thẩm định; kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị khai thác, sà lan vận chuyển trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật; vận hành máy theo đúng công suất thiết kế và hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Các phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển thường xuyên bảo dưỡng, đảm bảo vận hành có hiệu quả, giảm thiểu phát sinh bụi và khí thải; không chở quá tải trọng và tốc độ quy định.

- Khai thác theo đúng tuyến luồng.

4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh trên tàu hút hoặc tàu cuốc hoặc cầu gầu dây găng trên phao nổi, sà lan vận chuyển được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy kín dung tích 50 lít/thùng (2 thùng/phương tiện (vận chuyển, khai thác)). Định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại lưu giữ vào 3 thùng chứa có dung tích 50 lít/thùng có dán nhãn chất thải nguy hại (1 thùng có dung tích 50 lít (đối với dầu, mỡ thải), 1 thùng chứa có dung tích 50 lít (đối với ắc quy thải), 1 thùng chứa có dung tích 50 lít (đối với giẻ lau dính dầu, mỡ)) tại mỗi phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Các biện pháp giảm thiểu tác động:

- + Sử dụng các thiết bị hiện đại, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn cao; thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và quy trình vận hành các loại máy móc, thiết bị.

- + Bố trí thời gian làm việc hợp lý, quy định tốc độ hợp lý cho các xà lan vận tải

để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua các khu vực dân cư hoặc lưu thông vào giờ nghỉ; thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 7 giờ sáng đến 17h, không được khai thác ban đêm.

+ Trang bị dụng cụ chống ồn cho những công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao; kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức độ ồn cho phép.

- Các quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: san gạt tạo phẳng đáy khai trường, gia cố bờ sông bằng cụm cây, rọ đá (nếu có nguy cơ hoặc dễ xảy ra hiện tượng sạt lở bờ vó, kè đê).

- Nội dung cải tạo phục hồi môi trường:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Cải tạo khu vực khai thác		
-	Di chuyển máy, thiết bị ra khỏi khu vực khai thác	cái	5
-	Di chuyển hệ thống phao neo ra khỏi ranh giới khu vực khai thác	cái	4
-	Đo vẽ địa hình đáy sông	ha	10,8
-	San gạt tạo phẳng đáy khai trường	m ³	9.000
2	Gia cố bờ sông (nếu xảy ra sự cố)	m	800
-	Cụm cây	cụm	200
-	Rọ đá học, thể tích 0,5m ³	rọ	200

+ Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình:

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	Cải tạo khu vực khai thác				
-	Di chuyển máy, thiết bị ra khỏi khu vực khai thác	cái	5	Quý II/2036	1 tuần
-	Tháo dỡ các mốc phao tiêu	cái	4		1 tuần
-	San gạt tạo phẳng đáy khai trường	m ³	9.000		2 tuần
-	Đo vẽ địa hình đáy sông	ha	10,8		1 tuần
2	Gia cố bờ sông (nếu có)				
-	Cụm cây	cụm	200	Khi xảy ra sự cố	1 tháng
-	Rọ đá học, thể tích 0,5m ³	rọ	200		

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.039.813.000 đồng.

+ Số lần ký quỹ: 10 lần.

Số tiền ký quỹ lần đầu: 259.953.250 đồng.

Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo: 89.639.052 đồng.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025 (năm phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường).

+ Thời điểm thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; thời điểm ký quỹ từ lần thứ 2 trong khoảng thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu:

+ Chủ dự án đầu tư trang bị hệ thống phao vây dầu (chiều dài 240m), 2 bình bọt CO₂, 2 phao tròn, 2 phao cứu sinh, 4 áo phao, 2 chăn thấm hút dầu trên mỗi phương tiện khai thác, sà lan vận chuyển. Sử dụng thiết bị bơm hút dầu, phao vây dầu, chăn thấm hút dầu... để thu hồi dầu.

+ Đề phòng sự cố tràn dầu: thường xuyên kiểm tra thiết bị chứa dầu, khi phát hiện rò rỉ phải thay ngay.

+ Khi vận hành khai thác, các phương tiện khai thác phải neo đậu chắc chắn không để tự trôi va chạm với các phương tiện vận tải thủy khác.

+ Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu.

+ Trường hợp có sự cố tràn dầu, phải thông báo kịp thời đến các cơ quan chức năng, phương tiện cứu hộ để xử lý, ngăn chặn, thu hồi và khoanh vùng nơi bị tràn dầu bằng phao vây dầu. Thực hiện các quy định tại Kế hoạch số 1302/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Phú Thọ.

+ Không được dùng nước để dội rửa tại những vị trí trên phương tiện có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi. Trong trường hợp này, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ. Các loại giẻ này được thu gom vào thùng đựng chất thải nguy hại bố trí theo các phương tiện khai thác.

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với sự cố tai nạn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị, máy thi công: tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc tại mỏ, đặc biệt là các công nhân vận hành, kiểm tra quá trình hoạt động của các máy thi công.

- Biện pháp phòng ngừa đối với sự cố do thiên tai (bão, lũ lụt...) ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, sức khỏe người lao động:

+ Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về thiên tai trên các phương tiện truyền thông. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố trong trường hợp xảy ra bão, lũ lụt.

+ Tuân thủ các hướng dẫn về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

+ Tuân thủ nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTTT ngày 27/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Di chuyển máy móc, thiết bị đến nơi có địa hình cao, các khu vực an toàn trước thông tin các cơn bão lớn.

+ Không tiến hành khai thác trong mùa mưa bão và những thời điểm nước sông lên cao.

c) Các biện pháp bảo vệ lòng, bờ vớ sông:

Công ty phải thực hiện các yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông trong quá trình khai thác cát theo đúng quy định Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, cụ thể:

- Trong quá trình khai thác chú trọng bảo vệ duy trì khả năng thoát lũ của sông, không làm suy giảm khả năng thoát lũ gây ngập úng bãi, vùng đất ven sông gây sạt lở bờ vớ, bãi; không làm suy giảm mực nước trong mùa cạn gây ảnh hưởng đến cấp và sử dụng nước trên sông. Vị trí khai thác đảm bảo phù hợp với quy định về hành lang thoát lũ, bảo vệ công trình thủy lợi.

- Tuyệt đối không khai thác vào thời điểm mưa lũ lớn khi tốc độ dòng chảy lũ mạnh và xoáy.

- Đảm bảo khai thác với khoảng cách so với đường bờ theo đúng quy định, không tập trung các thiết bị khai thác tại một chỗ làm gia tăng mức khuấy động đáy sông, gây ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài sinh vật dưới nước sinh sống gần ven bờ.

- Khai thác theo đúng thiết kế, biện pháp tổ chức thi công và theo quy định cấp phép: đúng phạm vi, công suất, cao độ đáy, thi công theo luồng, theo lớp, không tập trung thi công một chỗ gây hố xoáy.

- Khi xảy ra sự cố sạt lở đường bờ, chủ dự án phải dừng ngay lập tức các hoạt động khai thác tại vị trí đó và phối hợp với cơ quan có chức năng để đánh giá, khắc phục sự cố xảy ra.

- Theo dõi thường xuyên những diễn biến về dòng chảy và đường bờ để điều chỉnh kịp thời các hoạt động khai thác.

- Thực hiện việc giám sát địa hình đáy sông tối thiểu 2 mặt cắt khu vực khai thác cùng thời điểm với đo vẽ mặt bằng với tần suất 6 tháng/lần.

- Chủ dự án phối hợp với chính quyền, người dân tại địa phương tiến hành giám sát, theo dõi nguy cơ sạt lở bờ; theo dõi diễn biến các quá trình thay đổi địa hình hai bên bờ, phát hiện kịp thời các hiện tượng rạn nứt, sạt lở bờ (nếu có) gần khu vực khai thác.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái ven sông.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

- Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của dự án, thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, tổ chức quan trắc giám sát chất thải theo quy định.

5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường:

a) Giám sát chất lượng môi trường khi vận hành:

- Giám sát chất lượng nước mặt:

+ Vị trí: 1 điểm tại thượng lưu khu vực khai thác, 1 điểm tại khu vực khai thác, 1 điểm tại hạ lưu khu vực khai thác.

+ Thông số: pH, DO, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng dầu mỡ, Coliform.

+ Tần suất: 3 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức A).

- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

+ Giám sát khối lượng, chủng loại CTR và CTNH. Định kỳ tổng hợp kết quả và báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường địa phương.

b) Giám sát chất lượng nước mặt trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:

- Vị trí: 1 điểm tại khu vực cải tạo phục hồi môi trường, 1 điểm tại hạ lưu khu vực khu vực cải tạo phục hồi môi trường.

- Thông số: pH, DO, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (mức A).

c) Giám sát khác:

- Giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong quá trình triển khai dự án.

- Giám sát địa hình đáy sông tối thiểu 2 mặt cắt khu vực khai thác cùng thời điểm với đo vẽ mặt bằng với tần suất 6 tháng/lần.

- Giám sát thường xuyên các hiện tượng trượt, sụt, xói lở, bồi lắng tại khu vực khai thác và bờ sông dọc ranh giới các khu vực khai thác.

- Giám sát việc chuyên chở cát từ khu vực khai thác đến bãi tập kết.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định hiện hành khác.

- Chỉ được phép triển khai dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về thuê đất mặt nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn trong quá trình triển khai xây dựng cơ bản, khai thác, cải tạo phục hồi môi trường.

- Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, sự cố môi trường hằng năm nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường, chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

- Bảo đảm khoảng cách từ vị trí khai thác tới bờ sông theo quy định, theo dõi, giám sát sụt lún, sạt lở để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng sụt lún, sạt lở bờ sông.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình khai thác; thực hiện giám sát diễn biến sạt lở đường bờ thường xuyên, trường hợp có hiện tượng sạt lở bờ sông phải dừng ngay hoạt động khai thác và có biện pháp khắc phục; chỉ được tiến hành khai thác lại sau khi đã khắc phục xong sự cố và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng chống cháy nổ, rủi ro, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các quy định Luật Khoáng sản, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Tuân thủ quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, không khai thác cát tại các khu vực đang sạt lở, khu vực không ổn định và có nguy cơ sạt lở.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động (do lỗi của chủ dự án) gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.